

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75 /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 54/2024/NĐ-CP quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 03/2024/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; 04/2024/TT-BTNMT quy định việc kiểm tra chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; số 06/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 1036/TTr-SNNMT ngày 14/9/2026 (kèm Báo cáo thẩm định số 463/BC-STP ngày 10/9/2026 của Sở Tư pháp); trên cơ sở biểu quyết thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh và Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh (bằng phiếu biểu quyết);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12/10/2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và
Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- VP Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh và các hội, đoàn thể tỉnh;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL, NL₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Huy Thành

QUY ĐỊNH

Quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2026/QĐ-UBND
ngày tháng.... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 80 Luật Tài nguyên nước; quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong hoạt động bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất, cung cấp dịch vụ tài nguyên nước và các hoạt động khác có liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Chương II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 5; điểm a, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 5; khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Kiểm kê tài nguyên nước

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với sở, ban ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước theo đề án, kế hoạch kiểm kê tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổng hợp kết quả thực hiện kiểm kê tài nguyên nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

Điều 5. Hành lang bảo vệ nguồn nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập, điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; lấy ý kiến Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các sở, ngành có liên quan; hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới ô nhiễm hành lang bảo vệ nguồn nước; tổ chức công bố, cập nhật thông tin, dữ liệu về hành lang bảo vệ nguồn nước vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và bàn giao mốc giới để quản lý, bảo vệ theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước có trách nhiệm:

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước và hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật.

b) Bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; kịp thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi lấn chiếm, hủy hoại hoặc vi phạm quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước.

c) Chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên thực địa sau khi được bàn giao; kiểm tra, giám sát các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn; phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trong việc rà soát, cung cấp thông tin phục vụ lập, điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước.

c) Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xác định phạm vi và cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt

1. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt; không gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước sinh hoạt và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình khai thác nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt thuộc trường hợp phải cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức công bố, cập nhật và quản lý thông tin, dữ liệu về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường và hệ thống thông tin tài nguyên nước của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân đầu tư, quản lý, vận hành công trình khai thác nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc xác định ranh giới phạm vi, vị trí đặt biển chỉ dẫn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa đối với trường hợp phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nằm trên địa bàn một xã theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan xác định ranh giới phạm vi, vị trí đặt biển chỉ dẫn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa đối với trường hợp phạm vi vùng bảo hộ nằm trên địa bàn từ hai xã trở lên.

c) Kiểm tra, giám sát hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn; tiếp nhận thông tin, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

d) Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương; tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan xác định ranh giới phạm vi, vị trí đặt biển chỉ dẫn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; tổ chức lắp đặt, quản lý và bảo vệ biển chỉ dẫn theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật.

c) Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hành vi gây ô nhiễm, có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước hoặc các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

Điều 7. Bảo vệ nước dưới đất

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức khoanh định, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục, điều chỉnh danh mục và tổ chức công bố sau khi được phê duyệt theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; quản lý, bảo vệ nước dưới đất và cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân có hoạt động điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác nước dưới đất và các hoạt động khác có phát sinh giếng khoan có trách nhiệm thực hiện việc trám lấp giếng theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và quy trình trám lấp giếng không sử dụng quy định tại Thông tư số 22/2024/TT-BTNMT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ nước dưới đất và trám lấp giếng không sử dụng; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương III

GIÁM SÁT KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 8. Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu liên quan đến

tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp vào Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh; phối hợp chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức xây dựng, vận hành Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức tiếp nhận, cập nhật, khai thác thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy định pháp luật; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc cung cấp, cập nhật, quản lý và khai thác thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước của các cơ quan, đơn vị và địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý việc kê khai khai thác nước dưới đất của hộ gia đình trên địa bàn theo quy định của pháp luật; rà soát, tổng hợp, cập nhật thông tin kê khai vào Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc hệ thống thông tin, phần mềm quản lý do cơ quan có thẩm quyền triển khai.

b) Cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tích hợp vào Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh và Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

4. Cơ quan, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá, quy hoạch và các nhiệm vụ khác về tài nguyên nước có trách nhiệm bàn giao kết quả, thông tin, dữ liệu sau khi được nghiệm thu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để rà soát, cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định của pháp luật.

5. Việc quản lý, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng, kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Quan trắc, giám sát hoạt động khai thác tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp phải đăng ký hoặc phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước thực hiện quan trắc, giám sát theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

2. Đối với công trình thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, sau khi hoàn thành việc kết nối, truyền dữ liệu quan trắc, giám sát theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn việc kết nối, truyền và cập nhật dữ liệu quan trắc, giám sát đối với các công trình thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- b) Tiếp nhận, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu quan trắc, giám sát phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước.
- c) Kiểm tra việc thực hiện quy định về quan trắc, giám sát, kết nối và truyền dữ liệu của tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- a) Chủ trì rà soát, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của tỉnh.
- b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.
- c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh xác định nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền.
- d) Chủ trì xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với yêu cầu quản lý tài nguyên nước của tỉnh và kịch bản nguồn nước lưu vực sông do cơ quan có thẩm quyền công bố trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.
- đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp thông tin, số liệu; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, điều chỉnh danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh theo quy định của pháp luật.
- e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với moong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường sau khi dừng khai thác thành hồ điều hòa, tích trữ nước, cấp nước hoặc tạo cảnh quan khi đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật; cập nhật, bổ sung danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh và danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp theo quy định.

g) Chủ trì tổ chức khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục, Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

h) Chủ trì rà soát, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; cập nhật Danh mục vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước theo quy định.

i) Chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, tổ chức thực hiện kiểm tra theo kế hoạch được phê duyệt và kiểm tra đột xuất theo quy định của pháp luật.

k) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 hằng năm.

l) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

2. Sở Công Thương

a) Rà soát, tham mưu điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa thủy điện theo quy định tại Điều 38 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 và Điều 77 Luật Điện lực số 61/2024/QH15 bảo đảm an toàn, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, phòng, chống lũ, lụt; duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Điều 24 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 và cấp nước cho hạ du.

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp thông tin về tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước lĩnh vực công thương để xây dựng Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Sở Xây dựng

Chủ trì thực hiện quản lý nhà nước về cấp nước đô thị; hướng dẫn, kiểm tra cấp nước an toàn, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; phối hợp bảo vệ nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt đô thị và đề xuất giải pháp bảo đảm cấp nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, sự cố ô nhiễm nguồn nước.

4. Sở Y tế

Thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì hướng dẫn xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm trong lĩnh vực tài nguyên nước; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực tài nguyên nước; tổ chức chuyển giao các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào

sản xuất và đời sống nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên theo quy định của Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12; Nghị định số 50/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; Thông tư số 41/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế tài nguyên; Thông tư số 135/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế tài nguyên được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 41/2024/TT-BTC.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

7. Thuế tỉnh Hà Tĩnh

a) Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân kê khai, nộp thuế tài nguyên nước; ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi chủ giấy phép nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước sau khi nhận được quyết định phê duyệt, điều chỉnh, truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

b) Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, tổng hợp tình hình thực hiện nộp tiền cấp quyền tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, cập nhật dữ liệu.

8. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự tại công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, công trình cấp nước sinh hoạt quan trọng theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; phối hợp huy động lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố liên quan đến nguồn nước theo quy định.

9. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phối hợp thực hiện kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước; cung cấp thông tin, dữ liệu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên nước thuộc lĩnh vực quản lý.

10. Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về tài nguyên nước; kịp thời phát hiện các tổ chức, cá nhân, mô hình hay, điển hình và thiết thực để phổ biến, tuyên truyền nhân rộng; phản ánh kịp thời các hành vi vi phạm và các vấn đề phát sinh trong quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn theo thẩm quyền.

2. Vận động tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn bảo vệ nguồn nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

3. Rà soát, thống kê công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất, nước mặt, nước biển, sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch thuộc diện phải kê khai, đăng ký trên địa bàn quản lý; hướng dẫn, đôn đốc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện kê khai, đăng ký, đề nghị cấp giấy phép theo quy định; tiếp nhận kê khai khai thác nước dưới đất của hộ gia đình theo thẩm quyền.

4. Giám sát, bảo vệ, quản lý chặt chẽ hồ, ao, đầm, phá không được san lấp theo Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Rà soát, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng trên địa bàn quản lý; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp không thực hiện trám lấp giếng theo quy định.

6. Theo dõi, phát hiện, thông tin kịp thời sự cố ô nhiễm nguồn nước; tổ chức hoặc phối hợp ứng phó, khắc phục theo thẩm quyền.

7. Phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước nằm trên địa bàn để bảo vệ, đảm bảo an toàn cho trạm quan trắc.

8. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, xây dựng báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để cập nhật báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

9. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương.

Điều 12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã

Tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong việc phát hiện vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; tham gia ý kiến khi được cơ quan có thẩm quyền tổ

chức lấy ý kiến đối với các công trình khai thác tài nguyên nước; phối hợp phổ biến, tuyên truyền, truyền thông các quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Thực hiện các quy định về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và nghĩa vụ trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định; thực hiện biện pháp điều hòa, phân phối tài nguyên nước và các yêu cầu bảo vệ nguồn nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước và các giải pháp giảm thất thoát, lãng phí nước phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Ưu tiên sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung cho mục đích sinh hoạt tại khu vực đã được cung cấp nước sạch bảo đảm chất lượng và số lượng theo quy định.

4. Thực hiện việc bảo vệ, phục hồi nguồn nước; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp thông tin, số liệu và thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định.

6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam (cấp tỉnh và cấp xã), Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc có nội dung không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền mới ban hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.